

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên xã Lưu Phương - Cồn Thoi, qua huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 2543/TTr-SGTVT ngày 30/9/2016 và kết quả thẩm định tại Văn bản số 2539/SGTVT-KCHT ngày 30/8/2016;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng Công trình: Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên xã Lưu Phương - Cồn Thoi, qua huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, với các nội dung như sau:

1. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

- Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên xã Lưu Phương - Cồn Thoi, qua huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Tên chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Ninh Bình.

- Tổ chức tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần Seamax.

- Địa điểm xây dựng: Huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

2. QUY MÔ XÂY DỰNG

- a) Bình đồ: Hướng tuyến bám theo hướng tuyến hiện tại.
- b) Trắc dọc: Đường đồ thiết kế cơ bản trên cơ sở bám theo mặt đường cũ đảm bảo dốc dọc, êm thuận và đủ điều kiện thoát nước phù hợp với điều kiện thủy văn.
- c) Trắc ngang:
 - Đối với đoạn tuyến từ Km0+00 - Km0+559,86: Thiết kế với quy mô đường cấp V đồng bằng theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005.
 - + Chiều rộng mặt đường $B_m = 5,5m$;
 - + Chiều rộng nền đường $B_n = 7,5m$;
 - + Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $i_{l\grave{e}} = 4\%$.
 - Đoạn từ Km3+236.93 - Km15+130.72: Thiết kế theo quy mô đường Giao thông nông thôn loại B theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014.
 - + Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,5m$;
 - + Chiều rộng nền đường $B_n = 5,0m$ (có chôn trước các vị trí khó khăn về giải phòng mặt bằng);
 - + Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $i_{l\grave{e}} = 4\%$.

3. QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VÀ CÁC TIÊU CHUẨN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

- Đường ô tô - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4054-2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng: 22TCN 223-95.
- Tiêu chuẩn thiết kế các công trình phụ trợ: 22TCN 200-95.
- Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn TCVN 10380:2014.
- Quyết định 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012 của Bộ Giao thông Vận tải Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu: “Công tác đất - Thi công và nghiệm thu” TCVN 4447:2012.
- Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2012 của Bộ Giao thông Vận tải Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường Bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông.
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu “Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô” TCVN 8859:2011.
- Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu: TCVN 9436:2012.

4. CÁC GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CHÍNH

4.1. Đối với đoạn tuyến Km0+00 - Km0+559,86: Trên cơ sở nền đường hiện tại tiến hành san gạt lu lèn chặt, tăng cường mặt đường bằng 01 lớp bê tông xi măng trên lớp móng bằng cấp phối đá dăm, cấu tạo từ trên xuống như sau:

- Lớp mặt bê tông xi măng mác M300, dày 22cm, đá 2×4.
- Lớp giấy dầu tạo phẳng.
- Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.
- Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 15cm.
- San gạt lu lèn nền đường cũ đạt độ chặt $\geq K98$.

4.2. Đoạn từ Km3+236.93 - Km15+130.72: Trên cơ sở nền, mặt đường cũ tiến hành xử lý cục bộ các vị trí mặt đường bị hư hỏng, tăng cường mặt đường bằng một lớp bê tông xi măng trên lớp móng bằng cấp phối đá dăm, cụ thể:

- Xử lý cao su: Đào bỏ phần nền, mặt đường bị hư hỏng (chiều sâu dự kiến bình quân 60 cm) thay bằng lớp kết cấu (theo thứ tự từ dưới lên trên) như sau:

- + Lớp đá mặt dày 45 cm sau lu lèn.
- + Lớp móng đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 15 cm.

- Xử lý các vị trí mặt đường bị bong bật, phá hoại: Cày xới, lu lèn lại mặt đường đá dăm láng nhựa cũ đảm bảo độ chặt.

- Đối với những vị trí mặt đường cũ còn tốt: Giữ nguyên mặt đường cũ, bù vênh tạo mui lượn đảm bảo độ dốc ngang thoát nước mặt đường.

- Đào hữu cơ 30cm đối với phần đường mở rộng, đánh cấp nền đường, đắp bù bằng đất đồi đầm chặt K95.

- Mặt đường: Sau khi xử lý các hư hỏng, tăng cường mặt đường gồm các lớp kết cấu theo thứ tự từ trên xuống dưới:

- Lớp mặt bê tông xi măng mác M300, dày 20cm, đá 2×4.
- Lớp giấy dầu tạo phẳng 01 lớp.
- Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.
- Bù vênh mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I dày trung bình 8,9cm.

4.3. Vuốt nổi các đường ngang dân sinh để đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông.

4.5. Hệ thống thoát nước:

a) Xây dựng mới 05 cống hộp (0,8×0,8)m ngang đường bằng Bê tông cốt thép lắp ghép tại các vị trí: Km0+60; Km0+160; Km0+348; Km0+406; Km0+540.

- Kết cấu:

+ Thân cống bằng Bê tông cốt thép mác M250.

+ Kết cấu móng: Móng cống bằng BTXM mác 150 dày 20cm, lớp đá dăm đệm 2×4 dày 10cm trên hệ thống cọc tre đường kính (6 ÷ 8)cm dài L=3,0m, mật độ 25 cọc/m².

b) Nối dài 01 cống cũ tại Km15+107 về cả hai phía bằng cống tròn, mỗi phía 2,0m; khẩu độ cống D150, với kết cấu như sau:

- Thân cống bằng BTCT mác 250, đúc sẵn, chiều dài đốt cống L=1m.

- Móng cống, tường đầu, tường cánh, sân cống bằng bê tông xi măng mác 150 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Nền móng sân cống, móng tường đầu, tường cánh được gia cố bằng cọc tre đường kính (6 ÷ 8)cm, dài L=3m, mật độ 25 cọc/m².

- Gia cố sân cống, ta luy cống phía thượng lưu, hạ lưu cống bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100.

c) Sửa chữa hệ thống lan can cầu tại 02 vị trí Km13+00 và Km14+220 bằng thép mạ kẽm. Liên kết giữa các thanh theo phương pháp hàn.

d) Sửa chữa, chám vá lại mặt cầu trên tuyến bị hư hỏng để đảm bảo an toàn giao thông tại 04 vị trí gồm Km7+900; Km10+660; Km13+00; Km14+220 bằng bê tông xi măng mác 300.

4.6. Hệ thống an toàn giao thông: Cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT của Bộ GTVT.

5. DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 40.441.304.000 đồng.

(Bốn mươi tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu, ba trăm linh tư nghìn đồng)

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	31.549.304.000 đồng
Chi quản lý dự án:	532.517.000 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.604.390.000 đồng
Chi phí khác:	1.860.627.000 đồng
Chi phí dự phòng:	4.894.466.000 đồng

Điều 2. Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo Quyết định phê duyệt này và kết quả thẩm định tại Văn bản số 2539/SGTVT-KCHT ngày 30/8/2016 của Sở Giao thông Vận tải, triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; chỉ được thi công khi dự án được bố trí vốn và thực hiện theo đúng tiến độ cấp vốn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải; Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kim Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Ba*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, VP4,
Nt78.10.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Thạch